

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/05/2025

V/v Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị T, anh A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoá;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn S, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ A, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn S, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13 tháng 12 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải C (nay là thị trấn S) huyện H, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2020. Sau khi kết hôn, chị và anh A chung sống hạnh phúc tại nhà mẹ đẻ của anh A đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ ngày 30/07/2024 đến nay, chị và anh A đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh Đỗ A có 01 con chung là cháu Đỗ Trung H1, sinh ngày 31/07/2020. Hiện nay, con chung đang ở cùng với anh A. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh A nuôi dưỡng con chung, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh A.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị và anh A không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 25/04/2025, bị đơn anh Đỗ A có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Theo anh A nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, cộng thêm nghề nghiệp thu nhập của anh không ổn định nên kinh tế khó khăn dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù có mâu thuẫn, nhưng anh cũng mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung, nếu chị T quyết tâm xin ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh A xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Hiếu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề sơn nhà với mức thu nhập 350.000 đến 500.000 đồng/ngày nên anh đủ khả năng nuôi dưỡng cháu H1.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ A. Về con chung, giao con chung cho anh A nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T và anh Đỗ A có đơn hoặc ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh A là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ A là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải C, nay là thị trấn S, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 06/10/2020. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 07/2024 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối

với nhau. Nay chị T yêu cầu xin được ly hôn, anh A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng do tính tình không hợp quan điểm lối sống khác nhau vợ chồng không có tiếng nói chung nên phát sinh mâu thuẫn. Đến nay chị T và anh A có thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Đỗ A có một con chung là cháu Đỗ Trung H1, sinh ngày 31/07/2020, hiện con chung đang do anh A nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh A xin được nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con, chị T đồng ý.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung thì thấy: Anh Đỗ A có nghề nghiệp và thu nhập, hiện nay cháu Hiếu đang do anh A nuôi dưỡng nên để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên nên cần tiếp tục giao cháu Đỗ Trung H1 cho anh A nuôi dưỡng. Do anh A không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh A xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ A.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Trung H1, sinh ngày 31/07/2020, cho anh Đỗ A trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Hiếu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh A. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu Đỗ Trung H1 đang do anh A nuôi dưỡng nên 02 bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên

lai thu số 0000316 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- UBND thị trấn S;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đính